

Ni trưởng Diệu Tịnh trong dòng chảy chấn hưng Phật giáo miền Nam

ISSN: 2734-9195 16:15 19/10/2026

Những nỗ lực gắn với Ni trưởng Diệu Tịnh cho thấy Ni giới không chỉ tiếp nhận những chuyển biến của phong trào chấn hưng, mà còn chủ động tham gia tạo dựng các điều kiện cần thiết cho sự phát triển của chính mình.

Mở đầu

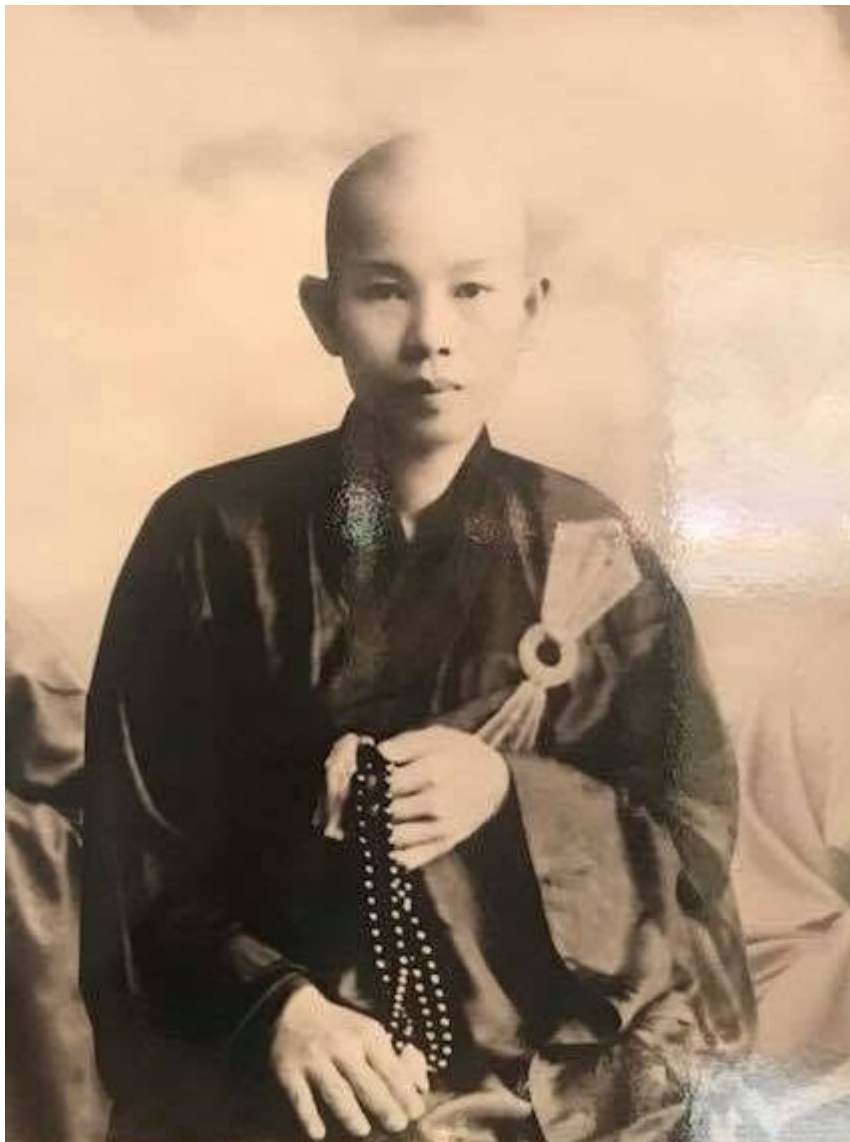
Đầu thế kỷ XX, Phật giáo Việt Nam bước vào một giai đoạn chuyển mình quan trọng, khi phong trào chấn hưng được khơi dậy với những nỗ lực đổi mới giáo dục Phật học, chấn chỉnh thiền môn, phát triển báo chí Phật giáo và đào tạo đội ngũ tăng, ni kế thừa mạng mạch Phật pháp. Trong dòng vận động ấy, bên cạnh những dấu ấn của Chư tôn đức Tăng, sự dẫn thân của các bậc Ni lưu cũng góp phần tạo nên diện mạo phong phú của Phật giáo miền Nam. Đó không chỉ là hành trình củng cố đời sống tu học, mà còn là nỗ lực khẳng định vai trò, năng lực và trách nhiệm hoằng pháp của Ni giới trước những yêu cầu của thời đại. Giữa bối cảnh lịch sử ấy, Ni trưởng Diệu Tịnh là một nhân vật đáng chú ý trong lịch sử Ni giới Phật giáo miền Nam. Dù cuộc đời hành đạo không dài, những dấu ấn gắn với hoạt động tu học, giáo dục, hoằng pháp và xây dựng cơ sở tu tập đã đặt ra những vấn đề đáng suy ngẫm khi nhìn lại tiến trình chấn hưng Phật giáo đầu thế kỷ XX. Qua việc tìm hiểu hành trạng và những đóng góp của Ni trưởng, có thể nhận diện rõ hơn vai trò của người nữ tu trong công cuộc duy trì và phát triển Phật pháp, đồng thời góp phần bổ sung một góc nhìn về những đóng góp của Ni giới trong lịch sử Phật giáo Việt Nam.

Nhìn lại cuộc đời Ni trưởng Diệu Tịnh, vì thế, không đơn thuần là trở về với tiểu sử của một bậc tiền bối, mà còn là dịp khảo sát mối liên hệ giữa chí nguyện xuất gia, tinh thần tự lực và khát vọng phát triển Ni đoàn trong một thời kỳ nhiều biến chuyển. Từ những tư liệu về cuộc đời và sự nghiệp của Ni trưởng, bài viết làm rõ những dấu ấn lịch sử, giá trị tư tưởng và ý nghĩa kế thừa của một hành trạng đã góp phần tạo nên diện mạo Ni giới Phật giáo miền Nam trong dòng chảy chấn hưng.

1. Hành trạng Ni trưởng Diệu Tịnh: Từ chí nguyện xuất gia đến con đường phụng sự

1.1. Thân thế và nhân duyên xuất gia

Ni trưởng Diệu Tịnh, pháp danh Hồng Thọ, thế danh được một số tài liệu ghi là Phạm Đại Thọ, một số tài liệu khác ghi Phạm Thị Thọ, sinh năm 1910 tại Gò Công, Nam Kỳ. Sinh ra trong giai đoạn xã hội Việt Nam có nhiều biến chuyển, Ni trưởng sớm lựa chọn con đường xuất gia, hướng đời mình đến lý tưởng tu học và phụng sự Phật pháp. Theo các tư liệu về hành trạng, khoảng năm 1925, khi mới ở tuổi thiếu niên, Ni trưởng đến chùa Tân Lâm tại vùng Tân Sơn Nhất, Gia Định, cầu pháp với Hòa thượng Như Hiển - Chí Thiện, được ban pháp danh Hồng Thọ, hiệu Diệu Tịnh.



Cố Ni trưởng Diệu Tịnh. Ảnh: Internet

Đây là dấu mốc mở đầu cho hành trình tu học và dẫn thân của một vị Ni sau này có nhiều hoạt động đáng chú ý trong phong trào chấn hưng Ni giới miền Nam. Năm 1930, Ni trưởng thọ giới Tỳ kheo ni tại giới đàn núi Điện Bà, núi Bà Đen ngày nay, dưới sự chứng minh của Hòa thượng Như Nhãn - Từ Phong theo các tài liệu ghi chép. Việc thọ giới đánh dấu bước trưởng thành trên con đường phạm hạnh, đồng thời đặt nền tảng cho trách nhiệm hành trì giới luật, trau dồi giáo lý và tiếp nối mạng mạch Phật pháp.

Trong bối cảnh Ni giới đương thời còn gặp không ít hạn chế về điều kiện học tập và cơ sở tu hành, chí nguyện xuất gia của Ni trưởng không chỉ thể hiện khát vọng giải thoát của bản thân, mà về sau còn gắn với mong muốn tạo dựng những điều kiện tu học tốt hơn cho các thế hệ Ni chúng.

1.2. Quá trình tu học và hình thành chí hướng

Sau khi thọ giới, Ni trưởng Diệu Tịnh dành nhiều tâm lực cho việc nghiên cứu kinh điển, trau dồi kiến thức Phật học và tìm hiểu giới luật. Quá trình tu học tại Ni trường Giác Hoa ở Bạc Liêu đã góp phần bồi dưỡng nền tảng giáo lý, đồng thời mở rộng nhận thức của Ni trưởng về vai trò của giáo dục trong đời sống xuất gia. Đối với Ni trưởng, học Phật không chỉ dừng lại ở sự hiểu biết của cá nhân, mà còn phải hướng đến khả năng vận dụng giáo pháp vào đời sống tu tập và chia sẻ những giá trị ấy với cộng đồng. Một nét đáng chú ý trong hành trạng của Ni trưởng là tinh thần chủ động học hỏi và tự trau dồi tri thức. Ni trưởng tự dịch một số kinh điển phổ thông như Kinh Vu Lan, Kinh Phổ Môn và Kinh Pháp Bảo Đàn, rồi tổ chức in ấn, phổ biến nhằm khuyến khích việc học Phật. Hoạt động này cho thấy mối liên hệ giữa sự tu học của bản thân với nhu cầu phổ biến giáo lý trong cộng đồng Phật tử.

Trong bối cảnh chữ Quốc ngữ và báo chí đang trở thành những phương tiện quan trọng của phong trào chấn hưng, việc chuyển tải kinh điển bằng ngôn ngữ gần gũi cũng mở ra thêm cơ hội tiếp cận Phật pháp cho người học. Từ quá trình ấy, chí hướng của Ni trưởng dần thể hiện rõ qua mối quan tâm đến đời sống và tương lai của Ni giới. Ni trưởng nhận thấy rằng muốn đảm đương trách nhiệm hoằng pháp, người xuất gia cần có nền tảng giáo lý vững vàng, am hiểu giới luật và được đào tạo một cách nghiêm túc. Vì vậy, việc học tập của Ni chúng không thể chỉ dựa vào nỗ lực riêng lẻ, mà cần có môi trường tu học, sự hướng dẫn của các bậc thiện tri thức và tinh thần tương trợ giữa những người cùng chí nguyện. Đây cũng là một trong những vấn đề Ni trưởng kiên trì nêu lên trong các hoạt động và bài viết của mình sau đó.

1.3. Những bước đầu trong nghiệp Phật sự

Năm 1933 đánh dấu một bước tiến quan trọng trong hoạt động Phật sự của Ni trưởng Diệu Tịnh. Tại trường hương chùa Giác Hoàng ở Bà Điểm, Gia Định, Ni trưởng được mời đảm nhiệm công việc hướng dẫn Ni chúng và sau đó được ghi nhận là một trong những vị Giáo thọ Ni đầu tiên tại Gia Định. Vai trò này phản ánh sự trưởng thành về năng lực tu học, đồng thời mở đầu cho quá trình Ni trưởng trực tiếp tham gia đào tạo thế hệ kế thừa. Cũng trong năm ấy, Ni trưởng bắt đầu cộng tác với tạp chí Từ Bi Âm, sử dụng diễn đàn báo chí để trình bày những suy tư về việc tu học, giáo dục và trách nhiệm của Ni giới đối với Phật giáo. Năm 1934, khi đảm nhiệm Phật sự tại chùa Thiên Bửu ở Búng, Ni trưởng tổ chức các lớp học chữ Quốc ngữ và chữ Nho, đồng thời mở lớp gia giáo để hướng dẫn Ni chúng. Những hoạt động ấy cho thấy tinh thần giáo dục của Ni trưởng không bó hẹp trong phạm vi truyền dạy kinh kệ, mà còn chú trọng trang bị kiến thức cần thiết cho người học. Trong hoàn cảnh điều kiện đào tạo Ni giới còn hạn chế, việc tổ chức lớp học đòi hỏi sự kiên trì, khả năng vận động và tinh thần trách nhiệm đối với cộng đồng tu học.

Từ nhu cầu tạo dựng một môi trường tu học ổn định cho Ni chúng, cuối năm 1934, Ni trưởng cùng các vị Ni đồng chí hướng như Ni trưởng Diệu Tấn, Ni trưởng Diệu Tánh và Sư phó Diệu Thuận vận động xây dựng chùa Từ Hóa tại vùng Tân Sơn Nhì, Gia Định. Sau đó, cơ sở này được chuyển đến Tân Sơn Nhất và mang tên Hải Ấn Ni Tự.

Công trình không chỉ đáp ứng nhu cầu về nơi cư trú và hành trì của Ni chúng, mà còn thể hiện khát vọng xây dựng một không gian tu học có tổ chức, tạo điều kiện thuận lợi hơn cho việc đào tạo và hoằng pháp. Từ những bước đi ban đầu ấy, hành trạng Ni trưởng Diệu Tịnh dần vượt ra ngoài phạm vi tu học cá nhân để gắn với những vấn đề rộng lớn hơn của Ni giới đương thời. Việc học tập, dịch thuật, giảng dạy, viết báo và xây dựng cơ sở tu học không phải những hoạt động tách rời, mà cùng hướng đến một mục tiêu: tạo dựng nền tảng tri thức, giới hạnh và tổ chức để Ni chúng có thể chủ động đảm nhận trách nhiệm hoằng dương Phật pháp.

Sự kết hợp giữa chí nguyện tu hành và tinh thần hành động đã làm nên nét nổi bật trong hành trạng của Ni trưởng, đồng thời đặt cơ sở cho những đóng góp tiếp theo của Người trong dòng chảy chấn hưng Phật giáo miền Nam.

2. Ni trưởng Diệu Tịnh trong phong trào chấn hưng Phật giáo miền Nam

2.1. Tinh thần chấn hưng qua giáo dục và đào tạo Ni chúng

Trong phong trào chấn hưng Phật giáo miền Nam đầu thế kỷ XX, giáo dục được xem là một trong những nền tảng quan trọng nhằm củng cố nội lực Phật giáo và đào tạo đội ngũ kế thừa. Đối với Ni giới, yêu cầu ấy càng trở nên cấp thiết khi điều kiện tu học, trình độ Phật học và cơ sở sinh hoạt dành riêng cho chư Ni còn nhiều hạn chế. Trong hoàn cảnh đó, tiếng nói và hoạt động của Ni trưởng Diệu Tịnh thể hiện một nhận thức tiến bộ: muốn Ni giới đảm nhận trách nhiệm hoằng pháp thì trước hết phải chú trọng học tập, nâng cao tri thức và phát huy tinh thần tự lực.

Dấu ấn của Ni trưởng không chỉ thể hiện qua những hoạt động giảng dạy, hướng dẫn Ni chúng, mà còn qua những quan điểm được trình bày trên diễn đàn Phật giáo đương thời.

Trong bài diễn văn tại Đại hội Hội Nam Kỳ Nghiên cứu Phật học, đăng trên tạp chí Từ Bi Âm, số 79 năm 1935, Ni trưởng đã đề cập đến thực trạng Ni giới và nhấn mạnh trách nhiệm của chư Ni đối với sự nghiệp chấn hưng Phật giáo.

Theo nội dung dẫn lại trong công trình của Thích Nữ Huệ Lợi, Ni trưởng cho rằng những hạn chế của Ni giới không phải do bản chất hay năng lực của nữ giới, mà có liên quan đến tâm lý tự ti, sự thiếu mạnh dạn dẫn thân và tình trạng chưa chú trọng đúng mức đến việc tu học. Từ đó, Ni trưởng khuyến khích chư Ni vượt qua những trở ngại ấy, tích cực học hỏi và chuẩn bị năng lực để đảm đương Phật sự. Quan điểm này cho thấy Ni trưởng nhìn nhận giáo dục không đơn thuần là phương tiện trau dồi kiến thức cá nhân, mà còn là điều kiện để nâng cao vị thế và trách nhiệm của Ni giới trong đời sống Phật giáo.

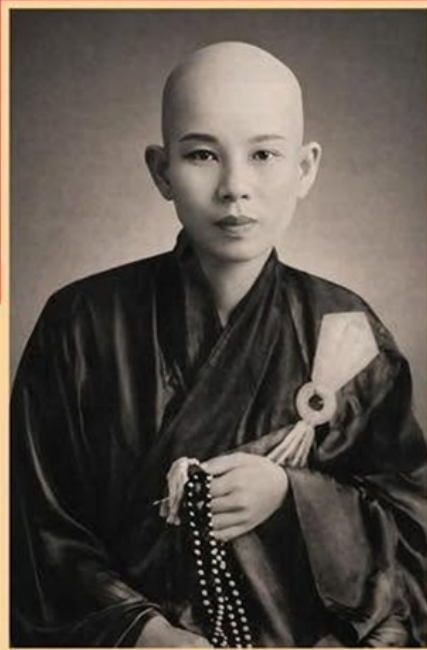
Người xuất gia cần hiểu giáo lý, nắm vững giới luật, có khả năng hướng dẫn người khác tu học và biết vận dụng Phật pháp vào đời sống. Khi mỗi cá nhân có nền tảng vững vàng, Ni đoàn mới có thể phát triển ổn định và đóng góp thiết thực cho công cuộc chấn hưng.

2.2. Hoằng pháp, báo chí và tiếng nói của Ni giới

Nếu giáo dục là nền tảng để xây dựng nội lực, thì báo chí Phật giáo là một phương tiện quan trọng giúp truyền tải tư tưởng, chia sẻ kinh nghiệm tu học và kết nối những người cùng quan tâm đến vận mệnh Phật giáo. Trong bối cảnh báo chí chữ Quốc ngữ phát triển và các tạp chí Phật giáo lần lượt ra đời, sự tham gia viết bài của các vị Ni đã mở rộng không gian diễn đạt những vấn đề

liên quan đến giáo dục, đời sống tu hành và trách nhiệm của Ni giới.

Ni trưởng Diệu Tịnh là một trong những gương mặt có tiếng nói trên diễn đàn ấy. Việc cộng tác với tạp chí Từ Bi Âm cho thấy Ni trưởng không chỉ quan tâm đến sinh hoạt trong phạm vi tự viện, mà còn chủ động tham gia trao đổi những vấn đề chung của Phật giáo. Đặc biệt, bài diễn văn đăng trên số 79 năm 1935 là một tư liệu quan trọng để tìm hiểu nhận thức của Ni trưởng về vai trò của Ni giới trong công cuộc chấn hưng. Thay vì chấp nhận một vị trí thụ động, Ni trưởng kêu gọi chư Ni ý thức trách nhiệm đối với đạo pháp, vượt qua tâm lý an phận và tích cực trau dồi năng lực để phụng sự.



NI TRƯỞNG THÍCH NỮ DIỆU TỊNH

(1910 - 1942)

Ni trưởng **Diệu Tịnh**, tục danh **Phạm Thị Thọ**, sinh năm 1910 tại Gò Công, là một trong những bậc Ni lưu tiêu biểu của phong trào chấn hưng Phật giáo ở Nam Bộ **đầu thế kỷ XX. Năm 1925**, Người phát tâm xuất gia cầu đạo với **Hòa thượng Chí Thiện**, được ban pháp danh **Hồng Thọ**, hiệu **Diệu Tịnh**. Đến

năm 1930, Ni trưởng thọ giới Tỳ-kheo-ni tại Trường Kỳ, núi Điện Bà (núi Bà Đen), do **Hòa thượng Từ Phong** làm Đàn đầu Hòa thượng. Sau khi thọ giới, Ni trưởng chuyên tâm nghiên cứu kinh điển, tự dịch một số kinh như Vu Lan, Phổ Môn, Pháp Bảo Đàn và cho ấn tống, phát hành rộng rãi nhằm khích lệ tinh thần học Phật trong Tăng Ni và Phật tử.



Hưởng ứng phong trào chấn hưng Phật giáo do Hội Nam Kỳ Nghiên cứu Phật học phát động từ năm 1931, Ni trưởng Diệu Tịnh tích cực tham gia bằng nhiều hoạt động thiết thực. Người không chỉ sáng tác thơ văn cổ vũ tinh thần tu học mà còn trực tiếp góp phần xây dựng tổ chức và cơ sở tu học cho Ni giới. **Năm 1933**, khi chùa Giác Hoàng (Bà Điểm) khai Trường hương cho hai giới Tăng, Ni tu học, Ni trưởng được cung thỉnh làm Chánh na. **Năm 1934**, cùng với các Ni trưởng Diệu Tấn, Diệu Tánh và Diệu Thuận, Người chung tay kiến lập **chùa Từ Hóa** (sau đổi tên là Hải Ấn) tại Tân Sơn Nhì, Gia Định – ngôi chùa Ni đầu tiên do chính chư Ni dựng lập, tạo cơ sở tu học và sinh hoạt cho Ni giới.



Không dừng lại ở đó, Ni trưởng còn tích cực tham gia giảng dạy và hoằng pháp ở nhiều nơi. **Năm 1938**, Người được mời làm Pháp sư giảng dạy tại **chùa Phước Long** (Mỹ Tho), sau đó ra Bắc nghiên cứu thêm về Luật tạng và thuyết pháp tại một số tự viện. Trở lại miền Nam, Ni trưởng tiếp tục tham gia đào tạo Tăng Ni và hỗ trợ các trường Phật học.

Dù trụ thế ngắn ngủi, Ni trưởng viên tịch vào năm 1942 khi mới 33 tuổi, nhưng những đóng góp của Người đối với phong trào chấn hưng Phật giáo và sự phát triển của Ni giới miền Nam vẫn để lại dấu ấn sâu đậm. Tấm gương đạo hạnh và tinh thần dẫn thân của Ni trưởng Diệu Tịnh đã trở thành nguồn cảm hứng cho nhiều

thế hệ Ni lưu tiếp nối trên con đường hoằng pháp lợi sinh.

Giá trị của tiếng nói ấy nằm ở chỗ Ni trưởng không tách quyền lợi và sự phát triển của Ni giới khỏi vận mệnh chung của Phật giáo. Theo tinh thần được thể hiện trong bài diễn văn, chư Ni không nên chỉ giới hạn đời sống xuất gia trong phạm vi tu tập cá nhân, mà cần hướng đến việc học hỏi, hoằng pháp và lợi ích chúng sinh. Tinh thần ấy phù hợp với lý tưởng phụng sự của đạo Phật, đồng thời phản ánh khát vọng đổi mới trong một giai đoạn mà giáo dục và tổ chức Ni giới đang đứng trước nhiều yêu cầu cấp thiết. Từ góc nhìn này, hoạt động trên báo chí của Ni trưởng có ý nghĩa vượt ra ngoài phạm vi một bài viết hay một bài diễn văn riêng lẻ. Đó là sự tham gia của một chủ thể Ni giới vào quá trình thảo luận về phương hướng phát triển Phật giáo. Tiếng nói ấy vừa phản ánh những khó khăn đang hiện hữu, vừa đề xuất một hướng đi dựa trên học tập, tinh thần tự lực và trách nhiệm chung. Qua đó, có thể thấy báo chí Phật giáo không chỉ là phương tiện phổ biến giáo lý, mà còn là diễn đàn để các vị Ni bày tỏ nguyện vọng, xác lập vai trò và đóng góp vào sự chuyển biến của đời sống Phật giáo đương thời.

2.3. Xây dựng cơ sở tu học

Một trong những vấn đề căn bản của Ni giới đầu thế kỷ XX là nhu cầu có những cơ sở tu học ổn định, nơi chư Ni có thể chuyên tâm hành trì, nghiên cứu kinh luật và đào tạo thế hệ kế thừa. Trong bối cảnh ấy, việc xây dựng tự viện dành cho Ni giới không chỉ giải quyết nhu cầu sinh hoạt thường ngày, mà còn tạo tiền đề cho sự phát triển lâu dài của giáo dục và hoằng pháp.

Trong hành trạng Ni trưởng Diệu Tịnh, Hải Ấn Ni Tự là dấu mốc đáng chú ý. Theo tư liệu được giới thiệu trong bài viết *“Ni trưởng Diệu Tịnh với phong trào chấn hưng Phật giáo miền Nam”* đăng trên Đặc san Hoa Đàm, việc hình thành Ni tự gắn với mong muốn tạo dựng một cơ sở cho Ni giới, quy tụ những người phát tâm tu hành và tạo điều kiện cho việc rèn luyện, học tập.

Tư liệu này còn dẫn lại lời giải thích của Ni trưởng về ý nghĩa tên gọi Hải Ấn, gắn với quan niệm chân như bản giác và con đường nhận ra chân tâm trong Phật pháp.

Điều đáng lưu ý là ý nghĩa của Hải Ấn Ni Tự không chỉ nằm ở sự hiện diện của một ngôi chùa, mà còn ở tâm nguyện xây dựng môi trường tu học dành cho nữ giới xuất gia. Khi có nơi nương tựa ổn định, Ni chúng có thêm điều kiện duy trì đời sống phạm hạnh, học hỏi kinh luật và hỗ trợ nhau trên con đường tu tập. Từ nền tảng ấy, hoạt động giáo dục và hoằng pháp mới có khả năng được tổ chức

một cách liên tục, thay vì phụ thuộc hoàn toàn vào điều kiện riêng lẻ của từng cá nhân.

Trong bài viết nói trên, lời bày tỏ của Ni trưởng về việc tạo dựng cơ sở cho những người phát tâm tu hành cũng cho thấy một cách nhìn khá rộng về chức năng của tự viện. Chùa không chỉ là nơi thực hành nghi lễ hay sinh hoạt tín ngưỡng, mà còn có thể trở thành không gian đào luyện tri thức, rèn luyện nhân cách và chuẩn bị năng lực phụng sự cho Ni chúng. Đây là một phương diện đáng chú ý khi đặt hoạt động của Ni trưởng trong bối cảnh phong trào chấn hưng Phật giáo, vốn gắn liền với nhu cầu xây dựng trường lớp, phát triển kinh sách và củng cố tổ chức Phật học.

2.4. Tinh thần tự lực và trách nhiệm phụng sự của Ni giới

Một nét nổi bật trong tư tưởng của Ni trưởng Diệu Tịnh là sự kết hợp giữa chí nguyện tu hành với ý thức trách nhiệm đối với cộng đồng và sự phát triển của Phật giáo.

Trong quan niệm ấy, xuất gia không đồng nghĩa với việc tách mình khỏi mọi vấn đề của tập thể; trái lại, người tu cần trau dồi bản thân để có thể góp phần giảm trừ khổ đau, hướng dẫn người khác tu học và duy trì mạng mạch Phật pháp.

Qua bài diễn văn tại đại hội Hội Nam Kỳ Nghiên cứu Phật học năm 1935, Ni trưởng kêu gọi chư Ni không nên an phận trong phạm vi tu tập cá nhân, mà phải nỗ lực học hỏi để có thể gánh vác trách nhiệm hoằng pháp lợi sinh. Đây là lời nhắc nhở về sự gắn bó giữa tự lợi và lợi tha: sự tu học của mỗi cá nhân cần hướng đến năng lực phụng sự, còn sự phát triển của Ni giới cần được xây dựng trên tinh thần đoàn kết và ý thức trách nhiệm chung. Tinh thần tự lực ấy cũng cần được hiểu trong hoàn cảnh lịch sử cụ thể.

Khi điều kiện giáo dục dành cho Ni giới còn hạn chế và những quan niệm phân biệt giữa Tăng và Ni vẫn hiện diện trong đời sống xã hội, việc khuyến khích nữ giới xuất gia chủ động học tập, tham gia phật sự và khẳng định năng lực của mình mang ý nghĩa đáng kể. Ni trưởng không chỉ đặt vấn đề từ những trở ngại bên ngoài, mà còn nhấn mạnh trách nhiệm tự thân của chư Ni trong việc vượt qua tâm lý tự ti, nâng cao tri thức và chuẩn bị khả năng đảm đương công việc chung. Tuy vậy, tinh thần tự lực trong hành trạng Ni trưởng không nên được hiểu như sự tách biệt khỏi cộng đồng Tăng già hay những điều kiện hỗ trợ của xã hội.

Việc phát triển Ni giới vẫn cần sự hướng dẫn của các bậc tôn túc, sự tương trợ giữa các tự viện và sự chung sức của phật tử. Điểm cốt yếu là Ni giới cần được nhìn nhận như một lực lượng có khả năng học tập, tổ chức đời sống tu hành và trực tiếp đóng góp vào sự nghiệp hoằng dương phật pháp.

Đặt trong dòng chảy chấn hưng Phật giáo miền Nam, những hoạt động của Ni trưởng Diệu Tịnh cho thấy sự đổi mới không chỉ diễn ra ở bình diện tổ chức hay hệ thống giáo dục, mà còn bắt đầu từ sự chuyển biến trong nhận thức của người xuất gia về vai trò và trách nhiệm của mình.

Từ việc học tập, viết bài, hướng dẫn Ni chúng đến xây dựng cơ sở tu học, các hoạt động ấy cùng thể hiện một định hướng chung: nâng cao năng lực của Ni giới để phụng sự đạo pháp một cách chủ động và bền vững.

3. Hải Ấn Ni Tự và dấu ấn kiến tạo một nền tảng tu học cho Ni giới

3.1. Hải Ấn Ni Tự - Tâm nguyện xây dựng đến cơ sở tu học

Trong hành trạng Ni trưởng Diệu Tịnh, việc xây dựng cơ sở tu học dành cho Ni giới là một dấu ấn đáng chú ý, thể hiện sự kết hợp giữa chí nguyện xuất gia và tinh thần trách nhiệm đối với sự phát triển chung của Ni đoàn.

Trong bối cảnh Phật giáo miền Nam đầu thế kỷ XX đang từng bước đổi mới phương thức giáo dục, tổ chức và hoằng pháp, nhu cầu về những không gian tu học ổn định dành cho chư Ni trở nên đặc biệt quan trọng. Một ngôi tự viện không chỉ là nơi hành trì và sinh hoạt tôn giáo, mà còn có thể trở thành môi trường đào tạo, nuôi dưỡng chí nguyện và chuẩn bị năng lực phụng sự cho các thế hệ kế thừa.

Theo những tư liệu viết về Ni trưởng Diệu Tịnh, vào năm 1934, Ni trưởng cùng một số vị Ni đồng chí hướng vận động xây dựng chùa Từ Hóa tại Gia Định. Sau đó, cơ sở này được chuyển đến khu vực Tân Sơn Nhất và mang tên Hải Ấn Ni Tự. Quá trình hình thành ấy cần được nhìn nhận trong hoàn cảnh Ni giới đương thời đang nỗ lực tìm kiếm những điều kiện thuận lợi hơn cho việc tu học, đào tạo và tổ chức sinh hoạt. Điều đáng chú ý là công cuộc kiến tạo ấy không nên chỉ được nhìn qua phương diện vật chất. Đằng sau việc hình thành một ngôi tự viện là tâm nguyện tạo dựng môi trường để người xuất gia có thể chuyên tâm hành trì giới luật, nghiên cứu kinh điển và hỗ trợ nhau trên con đường tu học.

Đối với Ni giới, một cơ sở tu tập ổn định còn góp phần mở rộng cơ hội học hỏi, trao đổi kinh nghiệm và tiếp nhận sự hướng dẫn của các bậc tôn túc.

Những điều kiện ấy có ý nghĩa thiết thực đối với việc đào tạo thế hệ Ni chúng có đủ nền tảng đạo hạnh và kiến thức để tiếp nối sự nghiệp hoàng pháp.

Nhìn từ dòng chảy chấn hưng Phật giáo miền Nam, sự hình thành Hải Ấn Ni Tự phản ánh một nhu cầu quan trọng của thời đại: muốn phát triển Phật giáo một cách bền vững thì cần chú trọng xây dựng con người, tổ chức môi trường tu học và tạo điều kiện để các thế hệ kế thừa trưởng thành.

Trong tiến trình ấy, những nỗ lực gắn với Ni trưởng Diệu Tịnh cho thấy Ni giới không chỉ tiếp nhận những chuyển biến của phong trào chấn hưng, mà còn chủ động tham gia tạo dựng các điều kiện cần thiết cho sự phát triển của chính mình.

3.2. Từ tự viện đến không gian giáo dục và hoàng pháp

Giá trị của một cơ sở tu học không chỉ nằm ở kiến trúc hay quy mô, mà còn được thể hiện qua những hoạt động diễn ra bên trong và những thế hệ được đào tạo từ môi trường ấy. Đặt trong bối cảnh Ni giới đầu thế kỷ XX, Hải Ấn Ni Tự có ý nghĩa đáng chú ý khi được gắn với tâm nguyện xây dựng một nơi nương tựa cho Ni chúng, góp phần đáp ứng nhu cầu tu học và phát triển Phật sự.

Tự viện vốn giữ vị trí quan trọng trong đời sống Phật giáo Việt Nam. Đây là nơi duy trì các sinh hoạt nghi lễ, thực hành giới luật, tổ chức thời khóa tu tập và truyền trao kinh nghiệm hành trì. Tuy nhiên, trong phong trào chấn hưng, chức năng của tự viện ngày càng được nhìn nhận rộng hơn, gắn với nhu cầu đào tạo Tăng Ni, phổ biến giáo lý và nâng cao trình độ Phật học. Đối với Ni giới, việc có cơ sở tu học ổn định tạo tiền đề để những hoạt động ấy được tổ chức thường xuyên và có tính kế thừa.

Qua dấu ấn Hải Ấn Ni Tự, có thể nhận diện một phương diện trong tư tưởng phụng sự của Ni trưởng Diệu Tịnh: xây dựng điều kiện tu học cũng là một cách đóng góp cho sự nghiệp hoàng pháp. Khi Ni chúng có nơi an trú, có điều kiện học tập và được nâng đỡ trong đời sống phạm hạnh, khả năng đảm nhận những công việc Phật sự cũng có cơ hội phát triển. Như vậy, giữa tu học, giáo dục và hoàng pháp tồn tại mối liên hệ mật thiết; mỗi phương diện vừa hỗ trợ vừa bổ sung cho nhau, cùng hướng đến mục tiêu duy trì và phát triển mạng mạch Phật pháp.

Từ góc độ lịch sử, cần đặt sự hình thành và hoạt động của Hải Ấn Ni Tự trong mối tương quan với những cơ sở giáo dục Phật học, các tự viện và những nỗ lực đào tạo Ni giới khác ở Nam Bộ cùng thời. Cách tiếp cận này giúp tránh nhìn nhận một ngôi chùa như một hiện tượng biệt lập, đồng thời làm rõ vai trò của các cá nhân và cộng đồng đã góp phần xây dựng môi trường tu học. Những đóng góp gắn với Ni trưởng Diệu Tịnh vì thế cần được xem xét trong mối liên hệ giữa chí nguyện cá nhân, sự chung sức của những vị Ni đồng chí hướng và nhu cầu phát triển của Ni giới đương thời.

3.3. Hải Ấn Ni Tự trong ký ức và di sản lịch sử Ni giới

Một nhân vật lịch sử không chỉ được ghi nhớ qua những sự kiện trong cuộc đời, mà còn qua những giá trị được lưu giữ và tiếp nối sau khi viên tịch. Đối với Ni trưởng Diệu Tịnh, việc nghiên cứu dấu ấn Hải Ấn Ni Tự mở ra một hướng tiếp cận từ lịch sử tự viện để tìm hiểu rộng hơn về hoạt động của Ni giới trong phong trào chấn hưng Phật giáo miền Nam. Nếu hành trạng của Ni trưởng phản ánh chí nguyện tu học, giáo dục và hoằng pháp, thì lịch sử một cơ sở tu học gắn với Ni trưởng có thể cung cấp những dấu vết cụ thể về cách các chí nguyện ấy được chuyển hóa thành hoạt động thực tiễn. Thông qua tư liệu về quá trình hình thành tự viện, những người tham gia kiến tạo, hoạt động tu học và các thế hệ kế thừa, người nghiên cứu có thể từng bước dựng lại bức tranh sinh động hơn về đời sống Ni giới trong một giai đoạn lịch sử nhiều chuyển biến.

Tuy nhiên, việc xác định giá trị lịch sử của Hải Ấn Ni Tự cần dựa trên sự đối chiếu giữa nhiều nguồn tư liệu, bao gồm hồ sơ tự viện, văn bia, tài liệu Phật giáo đương thời, hình ảnh lưu trữ và lời kể của các thế hệ kế thừa. Những thông tin về niên đại, địa điểm, tên gọi và hoạt động của tự viện cần được kiểm chứng để phân biệt rõ sự kiện lịch sử với ký ức được truyền lại về sau.

Đây cũng là yêu cầu quan trọng khi nghiên cứu các nhân vật Ni giới, bởi tư liệu về cuộc đời và sự nghiệp của nhiều vị Ni tiền bối vẫn chưa được sưu tầm và hệ thống hóa đầy đủ. Những dấu ấn còn được lưu giữ có thể giúp nhận diện rõ hơn cách thức các vị Ni chủ động xây dựng môi trường tu học, phát triển hoạt động giáo dục và đóng góp vào sự vận động chung của Phật giáo miền Nam đầu thế kỷ XX.

Nhìn lại, Hải Ấn Ni Tự là một hướng tiếp cận có ý nghĩa khi tìm hiểu hành trạng Ni trưởng Diệu Tịnh. Qua câu chuyện về một cơ sở tu học gắn với tâm nguyện của các vị Ni đồng chí hướng, có thể thấy công cuộc chấn hưng Phật giáo không chỉ được tạo nên từ những chủ trương lớn hay những tổ chức có quy mô, mà còn được vun đắp bằng những nỗ lực cụ thể trong đời sống tự viện. Chính những nỗ

lực ấy góp phần tạo dựng nền tảng để Ni giới duy trì đời sống phạm hạnh, phát triển tri thức và tiếp nối trách nhiệm hoằng dương Phật pháp qua các thế hệ.

4. Từ hành trạng cá nhân đến ý nghĩa lịch sử của phong trào chấn hưng

4.1. Đóng góp của Ni trưởng Diệu Tịnh trong tiến trình chấn hưng Phật giáo miền Nam

Nhìn lại hành trạng Ni trưởng Diệu Tịnh trong bối cảnh Phật giáo miền Nam đầu thế kỷ XX, có thể nhận thấy những đóng góp của Ni trưởng không chỉ gắn với đời sống tu học cá nhân, mà còn liên hệ mật thiết với những yêu cầu đổi mới của Phật giáo đương thời. Thông qua hoạt động giáo dục, tham gia diễn đàn báo chí Phật giáo và xây dựng cơ sở tu học, Ni trưởng đã thể hiện tinh thần chủ động trước những vấn đề đặt ra đối với Ni giới. Những hoạt động ấy cần được nhìn nhận trong mối tương quan với nỗ lực chung của chư Tăng, chư Ni và giới cư sĩ trong công cuộc chấn hưng, đồng thời cũng cho thấy vai trò của những cá nhân đã góp phần đưa tinh thần đổi mới vào đời sống tu viện. Trước hết, đóng góp của Ni trưởng thể hiện ở sự quan tâm đến giáo dục và nâng cao năng lực của Ni chúng. Trong hoàn cảnh việc đào tạo Phật học dành cho nữ giới xuất gia còn gặp nhiều hạn chế, những hoạt động giảng dạy và những quan điểm được Ni trưởng trình bày trên diễn đàn Phật giáo cho thấy nhận thức rõ ràng về tầm quan trọng của tri thức đối với sự phát triển Ni đoàn. Việc học tập không chỉ nhằm củng cố sự hiểu biết giáo lý của mỗi cá nhân, mà còn chuẩn bị nền tảng để Ni chúng có thể đảm nhận các công việc hướng dẫn Phật tử, truyền bá giáo pháp và duy trì đời sống tu học trong tự viện. Từ góc nhìn này, giáo dục trở thành một phương diện quan trọng trong việc xây dựng nội lực của Ni giới, đáp ứng yêu cầu kế thừa và phát triển Phật pháp.

Bên cạnh giáo dục, sự tham gia của Ni trưởng vào báo chí Phật giáo cũng mang ý nghĩa đáng chú ý. Qua những bài viết và ý kiến được ghi nhận trong tư liệu đương thời, Ni trưởng đã góp tiếng nói vào việc trao đổi về thực trạng, trách nhiệm và hướng phát triển của Ni giới. Trong bối cảnh báo chí trở thành phương tiện truyền bá tư tưởng và kết nối cộng đồng Phật giáo, sự hiện diện của tiếng nói nữ giới xuất gia cho thấy Ni chúng không hoàn toàn đứng ngoài những cuộc thảo luận về vận mệnh của đạo pháp. Trái lại, các vị Ni có thể trực tiếp nêu vấn đề, bày tỏ nguyện vọng và tham gia đề xuất phương hướng phát triển.

Một phương diện khác là việc tạo dựng cơ sở tu học gắn với Ni trưởng Diệu Tịnh. Sự hình thành Hải Ấn Ni Tự, khi được đặt trong bối cảnh nhu cầu tổ chức và đào

tạo Ni chúng, cho thấy vai trò của những nỗ lực cụ thể trong việc xây dựng điều kiện phát triển lâu dài cho Ni giới. Một cơ sở tu học ổn định có thể tạo môi trường để duy trì giới luật, học tập kinh điển và nuôi dưỡng tinh thần tương trợ giữa những người cùng chí nguyện. Đây là điều kiện quan trọng để hoạt động giáo dục và hoằng pháp được tiếp nối, thay vì chỉ phụ thuộc vào nỗ lực riêng lẻ của từng cá nhân.

Từ ba phương diện trên, có thể nhận định rằng dấu ấn của Ni trưởng Diệu Tịnh nằm ở sự kết hợp giữa tu học, giáo dục, truyền bá Phật pháp và xây dựng môi trường tu tập. Những hoạt động ấy không đứng riêng lẻ, mà bổ sung cho nhau trong một định hướng chung: nâng cao năng lực của Ni giới để có thể chủ động đảm nhận trách nhiệm phụng sự đạo pháp. Tuy nhiên, việc đánh giá mức độ ảnh hưởng của Ni trưởng cần dựa trên các tư liệu lịch sử cụ thể, đồng thời phân biệt những đóng góp trực tiếp của Người với thành quả chung của phong trào chấn hưng Phật giáo miền Nam.

4.2. Vị trí của Ni trưởng Diệu Tịnh trong lịch sử Ni giới miền Nam

Trong lịch sử Phật giáo Việt Nam, phong trào chấn hưng đầu thế kỷ XX thường được nghiên cứu qua hoạt động của các hội Phật học, các bậc cao tăng, sự phát triển của trường Phật học và báo chí Phật giáo. Tuy nhiên, để có cái nhìn toàn diện hơn về phong trào này, cần quan tâm đúng mức đến vai trò của Ni giới và những đóng góp của các vị Ni tiên phong. Bởi bên cạnh việc tiếp nhận những chuyển biến chung của Phật giáo, chư Ni còn phải giải quyết những nhu cầu riêng về giáo dục, giới luật, cơ sở tu học và cơ hội đảm nhận Phật sự. Đặt trong bối cảnh ấy, Ni trưởng Diệu Tịnh là một trường hợp đáng chú ý để tìm hiểu cách Ni giới tham gia vào công cuộc chấn hưng bằng những phương thức cụ thể. Qua hoạt động giảng dạy, viết bài và xây dựng cơ sở tu học, Ni trưởng thể hiện một hướng dẫn thân đặt trọng tâm vào việc nâng cao năng lực của người xuất gia và tạo dựng môi trường thuận lợi cho sự phát triển của Ni đoàn. Những hoạt động này phản ánh mối liên hệ giữa sự chuyển biến trong nhận thức cá nhân với nhu cầu đổi mới của cộng đồng Phật giáo.

Kết luận

Nhìn lại hành trạng Ni trưởng Diệu Tịnh trong bối cảnh chấn hưng Phật giáo miền Nam đầu thế kỷ XX, có thể nhận thấy những nỗ lực của Người gắn liền với những yêu cầu thiết thực của Ni giới đương thời: nâng cao trình độ tu học, phát triển giáo dục Phật học, mở rộng hoạt động hoằng pháp và tạo dựng những cơ

sở sinh hoạt ổn định cho Ni chúng. Qua các hoạt động được tư liệu ghi nhận, hình ảnh Ni trưởng hiện lên như một vị Ni quan tâm đến mối liên hệ giữa sự tu tập của cá nhân với trách nhiệm đối với cộng đồng, giữa việc trau dồi tri thức với nhu cầu duy trì và phát triển mạng mạch Phật pháp. Điều đáng chú ý trong hành trạng Ni trưởng không chỉ nằm ở những dấu mốc cụ thể của cuộc đời, mà còn ở tinh thần chủ động trước những vấn đề đặt ra đối với Ni giới trong một giai đoạn nhiều chuyển biến.

Việc quan tâm đến giáo dục, tham gia diễn đàn báo chí Phật giáo và góp sức xây dựng môi trường tu học cho thấy một hướng phụng sự gắn với nhu cầu thực tế của cộng đồng xuất gia. Trong đó, học tập và rèn luyện giới hạnh là nền tảng; hoằng pháp và hướng dẫn người khác tu học là phương thức phụng sự; còn việc xây dựng cơ sở tu tập là điều kiện để những giá trị ấy được duy trì và trao truyền qua các thế hệ. Đặt trong dòng chảy chấn hưng Phật giáo miền Nam, những đóng góp gắn với Ni trưởng Diệu Tịnh cần được nhìn nhận trong mối tương quan với nỗ lực chung của chư Tăng, chư Ni và giới cư sĩ.

Phong trào chấn hưng không phải thành quả của riêng một cá nhân hay một tổ chức, mà là kết quả của nhiều hoạt động nối tiếp nhau trên các phương diện giáo dục, xuất bản, tổ chức và hoằng pháp. Tuy vậy, việc tìm hiểu hành trạng của những vị Ni tiên phong như Diệu Tịnh giúp làm rõ hơn vai trò chủ động của Ni giới trong tiến trình ấy, đồng thời bổ sung những góc nhìn cần thiết cho lịch sử Phật giáo Việt Nam đầu thế kỷ XX. Di sản của các bậc Ni tiền bối chỉ thực sự được tiếp nối khi ký ức lịch sử trở thành động lực cho việc tu học và phụng sự trong hiện tại. Nhìn lại một đời hành đạo, điều còn đọng lại không chỉ là những dấu mốc được ghi chép trong tư liệu, mà còn là câu hỏi về cách mỗi thế hệ tiếp nhận và gìn giữ những giá trị của người đi trước. Không những thế, góp phần làm nên diện mạo Phật giáo miền Nam, trân trọng vai trò của Ni giới trong công cuộc chấn hưng và tiếp tục vun bồi những điều kiện để mạng mạch Phật pháp được truyền trao bền vững qua thời gian.

Tác giả: **Nguyễn Thị Thùy Trang (Thích nữ Huệ Khánh)**

Học viên Cao học Khóa IV, chuyên ngành Lịch sử Phật giáo - Học viện Phật giáo Việt Nam tại Huế

Tài liệu tham khảo:

1] Diệu Tịnh (1935), *“Bài diễn văn hôm đại hội của Hội Nam Kỳ Nghiên cứu Phật học”*, Từ Bi Âm, số 79, tr. 37-43.

- 2] Thích Nữ Huệ Lợi (2021). *“Giáo dục Ni giới trong phong trào chấn hưng Phật giáo Việt Nam giai đoạn nửa đầu thế kỷ XX”*, Tạp chí Nghiên cứu Phật học.
- 3] *“Ni trưởng Diệu Tịnh với phong trào chấn hưng Phật giáo miền Nam”*, Đặc san Hoa Đàm.
- 4] Trần Hữu Thắng (2023), *“Thêm một số ý kiến về phong trào chấn hưng Phật giáo ở Nam bộ đầu thế kỷ XX”*, Tạp chí Nghiên cứu Phật học, ngày 24/11/2023.
- 5] Lê Tâm Đắc và Nguyễn Đại Đồng (2013), *Phật giáo Việt Nam thế kỷ XX - Nhân vật và sự kiện*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- 6] Nguyễn Lang (1994), *Việt Nam Phật giáo sử luận*, NXB Văn học, Hà Nội.